

Số: 1512/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 04 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 316/2022/HNST ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

Bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1982;

Địa chỉ thường trú: A Chung cư B, phường A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1980;

Địa chỉ thường trú: Số 695/1 đường T, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là việc dân sự và người yêu cầu hiện cư trú tại thành phố Thủ Đức. Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của Bà Nguyễn Thị Lan A và ông Nguyễn Chí H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Nguyễn Thị Lan A và ông Nguyễn Chí H yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn vì trong quá trình chung sống cả hai phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải để bà Lan A và ông H đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy Bà Nguyễn Thị Lan A và ông Nguyễn Chí H tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 141; Quyền số 01/2011 tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/6/2011. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Lan A và ông H là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, bà Lan A và ông H có nhiều khác biệt về quan điểm, lối sống, hai bên không thể chia sẻ và nhận thấy không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà Lan A và ông H đã cố gắng hàn gắn để duy trì hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

Xét mâu thuẫn giữa bà Lan A và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Lan A và ông H là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

Xét sự thỏa thuận trên của bà Lan A và ông H không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Lan A và ông Nguyễn Chí H có 01 con chung tên: Nguyễn Khánh L, sinh ngày 28/6/2012. Bà Lan A và ông H cùng thỏa thuận giao con chung cho bà Lan A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và việc cấp dưỡng nuôi con chung do sự tự nguyện của ông H.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, Bà Nguyễn Thị Lan A tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lan A và ông Nguyễn Chí H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 141; Quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/6/2011 chấm dứt kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Lan A và ông Nguyễn Chí H có 01 con

chung tên: Nguyễn Khánh L, sinh ngày 28/6/2012. Hai bên thống nhất giao con chung cho bà Lan A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và việc cấp dưỡng nuôi con chung do sự tự nguyện của ông H.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.
- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí:

Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, Bà Nguyễn Thị Lan A tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo Biên lai thu số AA/2021/0025788 ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Dung